



CÁC PHƯƠNG THỨC NHẬN DẠNG CẤU TRÚC KẾT QUẢ TRONG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Hoàng Yến*

Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc - Seoul, Korea

Ngày nhận bài: 27-9-2017; ngày nhận bài sửa: 09-10-2017; ngày duyệt đăng: 30-11-2017

TÓM TẮT

Thông qua việc khảo sát, phân tích các phát ngôn trong những tình huống giao tiếp thông thường, bài viết đề cập những phương thức nhận dạng cấu trúc kết quả tiếng Việt như xem xét sự phân bố tham tố vị từ, của khung vị ngữ; xem xét những tác tử đánh dấu khung đề - thuyết; xem xét những ràng buộc về cấu trúc câu. Việc cải biến câu (chêm xen, phục hồi, thay thế), chú trọng các yếu tố tình thái, các tác tử đánh dấu trong câu cũng đóng vai trò quan trọng trong việc không nhận diện sai cấu trúc kết quả.

Từ khóa: tham tố vị từ, sự phân bố khung vị ngữ, tác tử chỉ dấu khung đề, các yếu tố tình thái, sự ràng buộc về cấu trúc.

ABSTRACT

Ways of identifying the Vietnamese resultative construction

Through the survey and analysis of utterances in normal communication contexts, the article discusses ways of identifying the Vietnamese resultative construction such as examining the distribution of predicate arguments, predicate framework; examining theme and rheme markers; and examining construction constraints. The transformation of sentence (interjection, retrieval, replacing), emphasizing modal elements and markers in a sentence also play an important role in recognizing the resultative construction.

Keywords: predicate arguments, predicate frame distributions, theme - rheme markers, modal elements, construction constraints.

1. Dẫn nhập

Cấu trúc kết quả được giới nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm do là một hiện tượng ngôn ngữ có tính phổ quát. Có những đặc điểm chung về ngữ nghĩa nhưng ở mỗi ngôn ngữ khác nhau, cấu trúc kết quả có những khác biệt nhất định về ngữ pháp. Do đó, nếu giải thích được bản chất ngữ nghĩa – ngữ pháp của cấu trúc kết quả thì sẽ giải thích được một trong những vấn đề lớn của cấu trúc câu, của ngôn ngữ học.

Về mặt lí thuyết, cấu trúc kết quả chiếm một vị trí quan trọng trong ngôn ngữ học hiện đại, vì nó cung cấp cái nhìn sâu vào bản chất của mối quan hệ giữa cú pháp học - ngữ nghĩa học có tính khái niệm và ngữ nghĩa học cấu trúc.

Vấn đề liên quan đến cấu trúc kết quả đã được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học trong và ngoài nước quan tâm và được tiếp cận theo nhiều hướng, như cú pháp (Jackendoff

* Email: hoangyenvns@hcmussh.edu.vn

1987, Fillmore & Kay 1993), ngữ nghĩa từ vựng (Levin & Rapport 1995, Washio Ryuichi 1997), loại hình học (Nedjalkov 1988)... Trong nước cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu và các bài báo chuyên ngành đề cập mối quan hệ nhân quả và cấu trúc gây khiến - kết quả như Nguyễn Kim Thân (1977), Cao Xuân Hạo (1991), Diệp Quang Ban (1996), Nguyễn Đức Dân (1998)...

Qua đó, chúng tôi rút ra được một số nhận định đáng chú ý về đặc trưng cú pháp, đặc trưng ngữ nghĩa giúp xác định thể nào là một cấu trúc kết quả:

- “Hai hiện tượng X và Y được xem là có quan hệ nhân quả khi “xảy ra hiện tượng X thì sẽ xảy ra hiện tượng Y ” (Nguyễn Đức Dân, 2004, tr.17).
- Sự diễn dịch (interpretation) nhân quả xuất hiện khi P và Q liên quan đến các sự việc thật và sự diễn dịch này thích hợp với chuỗi câu theo thứ tự tuyến tính (Sweetser, E., 1990, tr.159).
- “Có một mối quan hệ nguyên nhân - hệ quả giữa cú điều kiện và cú hệ quả: cú đứng trước cung cấp các cơ sở để tin vào tính chân thực của cú hệ quả” (Haiman J., 1986, tr.686).
- Cấu trúc kết quả thể hiện trạng thái là kết quả của hành động trước đó (Vladimira P. Nedjalkov, 1988, tr.6).

Có một thực tế trong ngôn ngữ là không phải hình thức cú pháp bề mặt nào cũng chuyển tải đúng nội dung ngữ nghĩa tương đương. Trong những ngữ cảnh trao đổi ngôn ngữ tự nhiên, thường thấy có rất nhiều những câu có hình thức bề mặt như nhau nhưng cấu trúc sâu chuyển tải những nội dung ngữ nghĩa rất khác nhau; cũng như có rất nhiều những cách nói mơ hồ, lặt ý, nói vòng, tinh lược hoặc vô số kiểu ‘câu trong câu’ (*sentences can be embedded inside larger sentences*)¹. Do đó, điều quan trọng là phát hiện kiểu cấu trúc nào nằm sau lớp vỏ hình thức đa dạng.

Việc xác định tiêu chí giúp phân biệt câu thuộc cấu trúc kết quả và câu không thuộc kết quả vì thế rất quan trọng. Xác định tiêu chí không đúng sẽ dẫn đến việc nhận dạng câu không chính xác.

Thêm nữa, mối quan hệ nhân quả trong đời sống hiện thực không phải luôn là một cấu trúc kết quả trong ngôn ngữ, trừ phi thỏa những điều kiện sau:

- Một cấu trúc kết quả luôn được biểu diễn bằng hai sự tình: sự tình hành động, quá trình (dynamic/ process sub-events) và sự tình kết quả (result sub-events);
- Ngữ đoạn thể hiện trạng thái kết quả phải được hiển ngôn trong câu và phải là kết quả của hành động trước đó;
- Mối quan hệ giữa hai sự tình: P (cơ sở / nguyên nhân) và Q (hệ quả) là mối quan hệ kéo theo: $P \rightarrow Q$;

¹ Edward loper,... (2009). *Natural Language Processing*. O'Reilly Media, Inc., tr.53

- Mỗi quan hệ này có tính chất điều kiện đủ (sufficient conditionals), có đủ P mới có Q, không P thì không Q;
- Hai sự tình trong cấu trúc kết quả luôn có tính chất tuyến tính: P xảy ra trước Q;
- Hai sự tình này có liên quan đến các sự việc thật.

Dựa vào những cơ sở lí luận nêu trên, bài viết này tiến hành khảo sát các ngữ liệu trong những tình huống giao tiếp ngôn ngữ thông thường để từ đó xác định các phương thức nhận dạng cấu trúc kết quả hữu hiệu, tránh những sự ngộ nhận về cấu trúc kết quả.

2. Phân tích

Với quan niệm ngữ pháp được sinh ra từ đời sống, và hiện thực ngôn ngữ là phép thử tốt nhất cho mọi hình thức cú pháp, chúng tôi tiến hành khảo sát cấu trúc kết quả trong tiếng Việt bằng cách phân tích một số mẫu trao đổi và quảng cáo ngẫu nhiên trên các diễn đàn mạng. Những mẫu này tuy không tiêu biểu cho cách viết chuẩn mực của tiếng Việt nhưng được dùng rất phổ biến trong đời sống hàng ngày. Chúng tôi thu được những kết quả đáng lưu ý sau:

Mẫu 1: “*Bạn cắt chanh hòa với nước rửa chén (cho chanh nhiều một chút, tùy theo lượng bát đĩa) ngâm khoảng 30 phút là có mớ bát đĩa trắng tinh. Còn một cách nữa là ngâm thuốc tẩy quần áo khoảng 15 phút, rửa lại thật sạch bằng nước và ngâm bát đĩa vào nước sôi khoảng 5 phút, bát đĩa sẽ trắng như mới luôn.*”

(<http://www.webtretho.com/forum/f216/tay-trang-bat-dia-ly-coc-869668/>)

Căn cứ vào nội dung và hình thức ngắt câu, chúng tôi chia mẫu này ra làm hai câu.

Câu 1: *Bạn **cắt** chanh **hòa** với nước rửa chén (cho chanh nhiều một chút, tùy theo lượng bát đĩa) **ngâm** khoảng 30 phút là có mớ bát đĩa trắng tinh.*

Câu này mô tả mối quan hệ quá trình hoạt động - kết quả. Trong đó, chuỗi những vị từ hành động (từ in đậm) diễn ra theo trật tự thời gian, có tính tuyến tính. Những hành động này nối tiếp nhau dẫn đến kết quả theo kiểu [P', P'', P''' → Q].

Theo nguyên tắc tránh lặp từ, câu có một số yếu tố bị lược bỏ. Thử khôi phục đầy đủ, ta có (những từ đã lược bỏ trong câu sẽ được gạch ngang/ strikethrough):

*Bạn **cắt** chanh (P') → **hòa** (~~ehanh~~) với nước rửa chén (P'') → **ngâm** (~~bát đĩa vào dung dịch~~) khoảng 30 phút (P''') → là có mớ bát đĩa trắng tinh (Q).*

Các thành tố và các vai trong câu như sau:

- *Cắt, hòa, ngâm*: Chuỗi vị từ chính (predicators) diễn ra theo trật tự thời gian.
- *Chanh, nước rửa chén, bát đĩa*: Bổ ngữ/ đối thể (objects/ patients) và cũng là tham thể bắt buộc (actants) của chuỗi vị từ.

Trong câu tiếng Việt, bổ ngữ/ đối thể thường bị lược bỏ nhằm tránh lặp lại nếu đã là thông tin hiện hữu, được đề cập ở phần trước (hồi chi/ anaphoric) như trong “*cắt chanh - hòa ehanh*” hay bằng một từ khác ở phía sau (khứ chi/ cataphoric) như trong “*ngâm (bát đĩa) khoảng 30 phút là có mớ bát đĩa trắng tinh*”. Do vậy, tuy có nhiều yếu tố bị lược bỏ nhưng phát ngôn vẫn có thể hiểu được nhờ mối liên hệ ngữ cảnh.

- *Chu tố (circumstants): Khoảng 30'*: Danh ngữ thời gian;

- Vào: Giới ngữ chỉ mục tiêu, đích;
- (dung dịch) nước rửa chén hòa với nước cốt chanh: Đích (goal);
- Là: tác tử phân giới, đánh dấu phần thuyết là ngữ đoạn thuyết minh cho phần đề phía trước;
- Có: Vị từ chỉ sự tồn tại;
- Mớ (lượng từ) *bát đĩa trắng tinh*: tiêu cú biểu thị trạng thái kết quả.

Câu không có quan hệ từ (như *vì, nên, khi, nếu...*) mà chỉ có sự xuất hiện của “là”, một từ về mặt ý nghĩa ngữ pháp thường biểu thị sự liên kết giữa hai đại lượng đồng đẳng, gọi là ‘hệ từ’. Tuy vậy, trong trường hợp này, xét về ý nghĩa, “là” có vai trò như một tác tử đánh dấu nơi bắt đầu phần thuyết, nhằm dẫn nhập một nhận định về khả năng của kiểu câu khung đề - kết quả. Có thể kiểm tra bằng cách thêm tác tử đánh dấu khung đề ‘thì’ trước ‘là’, ý nghĩa câu vẫn không đổi:

Bạn cắt chanh hòa với nước rửa chén (cho chanh nhiều một chút, tùy theo lượng bát đĩa) ngâm khoảng 30 phút thì là có mớ bát đĩa trắng tinh.

Như vậy, bằng vào việc phân tích các vai nghĩa trong câu, bằng việc chêm xen các tác tử đánh dấu khung đề thuyết, cũng như phục hồi các yếu tố bị tỉnh lược, có thể xác định đây là kiểu câu biểu thị mối quan hệ nhân quả giữa khung đề điều kiện và kết quả. Khung đề điều kiện ở đây là kiểu điều kiện đủ, có tính tất yếu: Với P đủ thì/ là chắc chắn/ tất yếu xảy ra Q (kết quả).

Thử cải biến câu lần nữa bằng cách thêm những quan hệ từ chỉ điều kiện tất yếu như *cứ, hễ* vào trước vị từ trung tâm ‘ngâm’ thì ý nghĩa câu gốc vẫn nguyên vẹn. Rút gọn câu thành 2 sự tình chính, ta có:

[M1] *Hễ/ Cứ* ngâm (bát đĩa vào dung dịch) khoảng 30 phút là [M2] có mớ bát đĩa trắng tinh.

Như vậy, câu trên đáp ứng tốt các tiêu chí của một cấu trúc quan hệ điều kiện - nhân quả.

Câu 2: *Còn một cách nữa là ngâm thuốc tẩy quần áo khoảng 15 phút, rửa lại thật sạch bằng nước và ngâm bát đĩa vào nước sôi khoảng 5 phút, bát đĩa sẽ trắng như mới luôn.*

Câu này không tiêu biểu cho cách viết chuẩn của tiếng Việt. Câu có những thành phần bị tỉnh lược, có khả năng gây mơ hồ về ngữ nghĩa, gây nhầm lẫn trong việc nhận dạng cấu trúc, nhưng cũng là cách diễn đạt rất phổ biến trong những tình huống giao tiếp thông thường.

Thử minh họa câu bằng biểu thức với các yếu tố tỉnh lược được phục hồi (trong ngoặc) và những yếu tố hiển ngôn trong câu (in đậm), ta có:

- P1: hành động **ngâm** (bát đĩa: đối thể đã tỉnh lược) (vào: giới ngữ) **thuốc tẩy quần áo** (công cụ - instruments) + **khoảng 15'** (thời gian);
- P2: hành động **rửa lại** (bát đĩa) **thật sạch** (cách thức - manner) **bằng** (giới ngữ) **nước** (công cụ);

- P3: hành động **ngâm** (~~bát đĩa~~) **vào** (giới ngữ chỉ đích) **nước sôi** (đích - goals) **khoảng 15'** (thời gian) → kết quả tiểu cú Q **bát đĩa trắng như mới** (như: kết từ so sánh; trắng, mới: vị từ chỉ trạng thái).

Từ việc phân tích trên, có thể rút ra một số kết luận:

a) Đây cũng là kiểu câu biểu thị mối quan hệ giữa quá trình - hành động - kết quả, theo kiểu [P', P'', P''' → Q]: với [P1, P2, P3 → dẫn đến Q (kết quả)].

b) Nhằm tránh lặp từ, những từ có vai trò ngữ/ đối thể (như *bát đĩa*) trong đã được tinh lược.

Ở hành động P1: “ngâm thuốc tẩy quần áo khoảng 15’” là một cách nói có một số yếu tố bị tinh lược, có vẻ có khả năng gây nhầm lẫn trong việc nhận dạng các thành phần câu. Dạng đầy đủ là: “*ngâm (bát đĩa) (vào) thuốc tẩy quần áo khoảng 15’*”.

Những từ bị tinh lược (~~bát đĩa, vào~~) làm cho *thuốc tẩy quần áo* từ vai công cụ (instruments) được đặt vào vị trí ngữ/ đối thể (patients), ở ngay sau vị từ **ngâm**, có thể gây ngộ nhận *thuốc tẩy quần áo* là ngữ/ đối thể (patients) của vị từ *ngâm*.

Tuy nhiên, trong thực tế ngôn ngữ, ít có người bản ngữ Việt nào tiếp nhận sai nội dung phát ngôn như thế. Những tri thức phổ thông về tri nhận ngôn ngữ tạo cho vị từ ‘ngâm’ một khung cảnh hướng, một khung vị ngữ được chờ đợi là: “Ai ngâm cái gì/ vào đâu”. Ba tham tố này về kết pháp cho thấy ‘ngâm’ là vị từ tam trị, có 3 diễn tố: tác thể (agents)/ người tác động, đối thể (patients)/ vật bị tác động và đích đến của vật đối thể (goals).

Thêm nữa, nghĩa từ vựng của hai từ *ngâm* (đìm vật gì lâu trong chất lỏng cho thấm) và *thuốc tẩy quần áo* (loại chất lỏng giúp làm sạch quần áo) có mối liên hệ ngữ nghĩa mạnh, giúp cho quá trình liên tưởng, tri nhận ý nghĩa nội dung thông báo đối với người bản ngữ không bị sai lệch.

Ngữ đoạn “*ngâm thuốc tẩy quần áo khoảng 15’*”, sẽ được diễn dịch là *ngâm cái gì đó vào thuốc tẩy quần áo*. *Cái gì đó* trong môi liên hệ ngữ cảnh ở câu này là ‘*bát đĩa*’ được khôi phục khi tri nhận phát ngôn nhờ vào nội dung đã tiếp nhận phía trước (liên kết hồi quy).

c) Trong chuỗi hành động nêu ở ngữ đoạn P2: “**rửa lại** (~~bát đĩa~~) **thật sạch** (cách thức - manner) **bằng** (giới ngữ) **nước** (công cụ)” có một số điểm đáng lưu ý:

+ Ngữ đoạn ‘*rửa lại (bát đĩa) thật sạch*’ có thể được tri nhận như một tổ hợp vị từ - trạng ngữ thông thường theo kiểu: *đọc thật kỹ; nhai thật chậm...* nhằm biểu hiện cách thức mà phát ngôn muốn nhắm đến.

+ Tuy nhiên, khi phân tích sâu hơn, ta có: vị từ ‘*rửa*’ là một vị từ hành động chuyển tác, khi tác động lên đối thể ‘*bát đĩa*’ sẽ tạo ra một sự chuyển biến trạng thái của đối thể ‘*bát đĩa*’ là ‘*sạch*’, và cho ra kết quả được biểu hiện bằng tiểu cú ‘*bát đĩa sạch*’. Đây là

điểm đặc trưng của câu trúc gây khiến - kết quả đã được Hoestra (1988)² ghi nhận: “Về hình thức, kiểu cấu trúc gây khiến - kết quả có điểm đặc biệt là bỏ ngữ của vị từ chính và ngữ đoạn kết quả tạo thành một tiểu cú SC (a small clause), với SC như là một toàn thể được chứa đựng trong ngữ vị từ và có quan hệ ‘chị em’ với vị từ.”

Trạng thái *bát đĩa sạch* sau khi *rửa* ở đây hoàn toàn giống với kiểu cấu trúc vị từ gây khiến - kết quả của *đập* → *cái li nát, thối* → *quả bóng phồng lên*, tạo ra những tiểu cú chỉ trạng thái kết quả: *li nát, quả bóng phồng lên*.

Điều này cũng trùng với những nhận định sau:

“*Có những hành động chuyển tác gây nên một quá trình nào đó mà chủ thể chính là đối thể của hành động chuyển tác ấy. Hành động chuyển tác kia được gọi là hành động gây khiến (causative)*” (Cao Xuân Hạo, 2005, tr.439).

Do vậy, trong ngữ cảnh này, nếu khôi phục đầy đủ, ngữ đoạn ‘*rửa* - *bát đĩa thật sạch*’ đáp ứng tốt tiêu chí của một cấu trúc kết quả. Còn các tổ hợp ‘*đọc* - ?? *sách thật kĩ*’, ‘*nhai* - ?? *com thật chậm*’ chỉ là những tổ hợp vị từ - trạng ngữ thông thường nhằm miêu tả cách thức của sự tình.

+ Điều cần lưu ý là “*Mức cao nhất của sự tác động là làm cho đối thể bị hủy diệt, không còn tồn tại nữa*” (Cao Xuân Hạo, 2005, tr.439) và “*những kết cấu như **diệt sạch, trừ tiệt, xóa sạch, tẩy sạch** không phải là những kết cấu gây khiến - kết quả mà là những tổ hợp vị từ + trạng ngữ thông thường*” (Nguyễn Thị Quy, 1995, tr.114). Tuy nhiên, sự tác động có đạt đến mức tối đa, bị ‘hủy diệt’ hay không (từ dùng của Nguyễn Thị Quy, 1995, tr.111), chúng tôi cho là không chỉ phụ thuộc vào vị từ trung tâm mà còn do ở đặc trưng cấu tạo của đối tượng bị tác động. So sánh hai ví dụ sau:

a. *rửa **bát đĩa** thật sạch* b. *rửa **những vết bẩn** thật sạch*

Vị từ ‘*rửa*’ trong (b) không tạo ra kết quả ‘*vết bẩn (trở nên) thật sạch*’ như trong (a) ‘*rửa - bát đĩa thật sạch*’ mà đối thể ‘*vết bẩn*’ sẽ không còn tồn tại, hoàn toàn mất đi. Chúng tôi cho là, về mặt ý nghĩa, *vết bẩn mất đi* cũng là một dạng kết quả. Tuy thế, tiểu cú “*những vết bẩn thật sạch*” không đáp ứng các tiêu chí của một cấu trúc kết quả cả về ngữ nghĩa, cú pháp, hình thức như ‘*bát đĩa thật sạch*’.

Từ những điều đã phân tích ở trên, đặc biệt là với ngữ đoạn ‘*rửa bát đĩa thật sạch*’, chúng tôi nghĩ cần cần nhắc đối với kết hợp “vị từ chuyển tác + đối thể + sạch”. Chúng có ý nghĩa “hủy diệt” hay “chỉ sự hoàn thành của hành động” (Nguyễn Thị Quy, 1995, tr.80) hay không, không chỉ tùy thuộc vào vị từ tác động mà còn tùy thuộc vào đối thể chịu tác động.

Câu 3: *Bát đĩa dùng lâu năm bị ố vàng do sau thời gian dài sử dụng, một số mảng bám khó rửa trôi bằng nước rửa chén bát thông thường, lâu dần nó tạo thành lớp ố.*

(<http://suminhchau.vn/tin-tuc/tai-sao-bat-dia-bi-o-vang-cach-tay-o-vang-tren-bat-dia-hieu-qua-29.html>)

² Small Clause Result, In Lingua 74, tr. 106

Đây là một kiểu cấu trúc nhiều tầng, lặp ý, nói vòng, diễn tả mối quan hệ nhân - quả đảo với cấu trúc chính: [(kết quả) **Q do** (nguyên nhân) **P**].

Trong cấu trúc này, có thể phân ra hai mệnh đề chính như sau:

[Q]: ‘*Bát đĩa dùng lâu năm bị ố vàng*’.

[P]: ‘*Sau thời gian dài sử dụng, một số mảng bám khó rửa trôi bằng nước rửa chén bát thông thường, lâu dần nó tạo thành lớp ố*’.

[Q] là mệnh đề chỉ quá trình chuyển thái, mô tả sự thay đổi của quá thể ‘*bát đĩa*’, vật trải qua quá trình (undergoer)/ *prøeessed*) có vị ngữ chính là ‘*bị ố vàng*’ (với ‘*bị*’ là từ đánh dấu chủ thể chịu một sự tác động không hay nào đó, mà ở đây là một quá trình không chủ ý dẫn đến trạng thái ‘*ố vàng*’).

Cấu trúc của [Q] có thể minh họa như sau:

[Q] = C (*bát đĩa/ dùng lâu năm*) - V (*bị ố vàng*)

Phần C (chủ ngữ) của [Q] là một danh ngữ, có ngữ động từ ‘*dùng lâu năm*’ giữ vai trò định ngữ bổ nghĩa cho danh ngữ ‘*bát đĩa*’. Nếu phân tích theo hình thức hiển thị trong câu, ‘*bát đĩa*’ sẽ là chủ ngữ ngữ pháp của vị từ ‘*dùng*’ theo sau. Nhưng chủ ngữ ngữ pháp ‘*bát đĩa*’ là vật vô tri (inanimate objects) nên không thể là ‘*tác thể*’ có tác động trực tiếp đến vị từ ‘*dùng*’. ‘*Bát đĩa*’ ở đây chỉ có thể xem như là một bổ ngữ (hoặc một tiếp thể (patients) có tính logic của hành động ‘*dùng*’. Do đó, suy luận về ngữ nghĩa, có thể hiểu có một mối liên hệ nhân quả giữa việc có một hành thể ẩn ‘*dùng bát đĩa lâu năm*’ dẫn đến hệ quả ‘*bị ố vàng*’.

Tuy nhiên, về cấu trúc, đây là câu quá trình (chuyển thái) vì có chủ thể là đối tượng trực tiếp trải qua quá trình một cách không chủ ý. (Câu quá trình chuyển thái là câu “*có một biến cố không chủ ý, có vật thay đổi về bên ngoài hay/ và trạng thái bên trong*” (Cao Xuân Hạo, 2005, tr.441)). Thêm nữa, khi thử cải biến, không thể chêm xen những trợ từ ‘*bị*’ ‘*được*’ với ý nghĩa biểu thị kết quả tác động có chủ ý [volition] vào trước vị từ như trong hai câu (a), (b). So sánh:

- a) *Bàn được lau sạch.*
- b) *Rượu trong chai bị uống hết.*
- c) ?? *Bát đĩa *được dùng lâu năm bị ố vàng.*
- d) ?? *Bát đĩa *bị dùng lâu năm bị ố vàng.*

Trở lại câu:

[Q] (*Bát đĩa dùng lâu năm bị ố vàng*) **do** [P] (*sau thời gian dài sử dụng, một số mảng bám khó rửa trôi bằng nước rửa chén bát thông thường, lâu dần nó tạo thành lớp ố*)

Ta có mệnh đề chỉ nguyên nhân [P] cũng là cấu trúc phức. Trong [P] có chứa mối quan hệ thời gian [M1] - kết quả [M2]:

- [M1 thời gian] (*sau thời gian dài sử dụng*) → [M2 kết quả] (*một số mảng bám khó rửa trôi bằng nước rửa chén bát thông thường [p], lâu dần (nó)(p) tạo thành lớp ố [q]*).

Trong mệnh đề kết quả M2 lại biểu thị mối quan hệ nguyên nhân - kết quả khác:

- [M2 [p (mảng bám) → q (tạo thành lớp ố)] với q (lớp ố) = Q (bị ố vàng)

Trong phần mệnh đề nguyên nhân [p] của [M2], danh ngữ chủ ngữ ‘*một số mảng bám*’ có ngữ động từ ‘*khó rửa trôi bằng nước rửa chén bát thông thường*’ làm định ngữ và ‘*nó*’ là đại từ thay thế cho chủ ngữ và là chủ thể cho quá trình tiếp theo ‘*tạo thành lớp ố*’.

Có thể biểu diễn những mối quan hệ đa tầng trong câu thành biểu thức như sau:

[(kết quả) **Q do** (nguyên nhân) **P** [[M1] → [M2 [p→q] Q]

Như vậy, đây là dạng câu ghép biểu thị mối quan hệ nhân quả nhiều tầng, lặp ý, nói vòng theo cấu trúc móc xích - hồi kết: [**Q do P [P tạo thành Q]**].

Câu 4: *Rửa chén bát là công việc mỗi chúng ta làm đều đặn hàng ngày sau mỗi bữa ăn. Tuy nhiên không phải ai cũng biết cách rửa sạch hết các chất bẩn. Quá nhiều thức ăn thừa đọng trong bồn rửa có thể lọt qua khe nếu mắt lưới lọc quá to. Lâu ngày có thể gây nên tắc cống.*

(<http://eva.vn/nha-dep/huong-dan-rua-bat-sach-se-ma-an-toan-c169a243778.html>)

Trong câu này, ngữ đoạn ‘*rửa sạch hết các chất bẩn*’ cũng giống như trường hợp đã phân tích câu (2), có vị từ tác động ‘*rửa*’ với đối thể là ‘*các chất bẩn*’ nên dẫn đến kết quả không còn tồn tại, biến mất. Vì kết quả ở mức cao nhất, không lưu lại, không hiển ngôn trên tiêu cú (SC) chỉ trạng thái kết quả nên ‘(*rửa*) *sạch hết các chất bẩn*’ không được xem là một cấu trúc kết quả.

Phần sau với ‘*thức ăn thừa đọng*’ tích lũy lâu ngày ‘*đễ gây tắc cống*’ thuộc cấu trúc gây khiến - kết quả, với sự hiển ngôn của vị từ ‘*gây*’ và trạng thái kết quả ‘*tắc cống*’.

Câu 5: *Nhà mình toàn xử lí bằng dầu hỏa, khi hết dầu thì dùng xăng. Nhưng dùng xăng thì phải thấm một tí thôi, lau nhanh tay để không hại đến đồ nhựa. Sau đó rửa lại bằng nước rửa chén là sạch ngay.*

(<http://www.webtretho.com/forum/fl12/tay-mieng-dinh-gia-tien-bat-dua-thia-dia-lam-sao-cho-sach-24099/>)

Câu (5) bao gồm những kết hợp chỉ quan hệ điều kiện - cách thức - mục đích/ hướng kết quả:

- Dùng xăng [M1 (điều kiện)] thấm một tí (cách thức), lau nhanh tay (cách thức) để không hại đến đồ nhựa (mục đích).

Phần câu sau, nếu khôi phục đối thể ‘*chén bát*’ đã bị tình lược, ta có ngữ đoạn biểu thị kết quả: “*rửa lại (chén bát) bằng nước rửa chén là (chén bát) sạch ngay*”, đáp ứng tiêu chí tiêu cú SC “(*chén bát*) sạch ngay” hiển ngôn trong câu.

3. Kết luận

Bài viết này đã cho thấy trong cách nói năng, trao đổi thường ngày, ngôn ngữ được sử dụng thật phong phú, sinh động, trong đó, có các kiểu biểu đạt cấu trúc quan hệ nhân quả tiếng Việt rất đa dạng, như kiểu câu sự tình hành động, quá trình - kết quả (process sub-events/ autonomous events - resulting), khung đề điều kiện - hệ quả (theme - and rheme conditionals - consequences), hoặc kiểu câu móc xích - hồi kết nhiều tầng bậc với khung sự tình phức (resulting - series of complex events - resulting)...

Ngữ pháp là hình thức của nội dung ngôn ngữ, là toàn bộ các quy luật, quy tắc cấu tạo từ, ngữ, cú và câu. Tuy nhiên, ngữ pháp vẫn là cái theo sau hiện thực đời sống ngôn ngữ, theo sau nội dung thông báo mà phát ngôn muốn truyền đạt. Sự đa dạng khi biểu đạt nội dung mới là điều quyết định tạo nên sự đa dạng về mặt hình thức biểu đạt. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức vì thế vừa không quá cố định, cứng nhắc vừa tuân thủ các quy ước ngôn ngữ khá chặt chẽ.

Những phân tích cụ thể đã cho thấy không phải hình thức cú pháp bề mặt nào cũng chuyển tải nội dung ngữ nghĩa tương đương: ‘là’ có lúc là hệ từ nhưng có lúc giữ vai trò như một tác tố đánh dấu nơi bắt đầu phần thuyết, là chỉ dấu của khung đề thuyết biểu thị mối quan hệ nhân quả; chủ ngữ ngữ pháp có khi không trùng với chủ thể hành động; tổ hợp trạng từ - vị ngữ, câu quá trình cũng có thể có hình thức tương tự một cấu trúc kết quả. Bài viết cũng chứng minh được đối với những kết hợp giữa “vị từ chuyên tác + đối thể + *sạch*”, sự tác động có đạt đến mức ‘hủy diệt’, có làm mất đi thuộc tính của một cấu trúc kết quả hay không còn tùy vào đặc trưng cấu tạo của đối thể.

Từ việc khảo sát, phân tích những mẫu trao đổi trong ngữ cảnh rất tự nhiên trên diễn đàn mạng, chúng tôi cũng đã rút ra được những phương thức nhận dạng cấu trúc kết quả khá hữu hiệu như xem xét những đặc trưng về cú pháp (ngữ đoạn thể hiện trạng thái kết quả phải được hiển ngôn và phải là kết quả của hành động trước đó), đặc trưng về ngữ nghĩa học (một cấu trúc kết quả luôn được biểu diễn bằng hai sự tình: sự tình hành động, quá trình (dynamic/process sub-events) và sự tình kết quả (result sub-events)). Đồng thời, chúng tôi cũng kết hợp xem xét sự phân bố của tham tố vị từ, của khung vị ngữ; xem xét những chỉ dấu khung đề - thuyết, những ràng buộc về từ vựng, ngữ nghĩa, cú pháp của cấu trúc kết quả, đặc biệt mô hình hóa, rút ra biểu thức chung đối với những khung sự tình phức.

Để tránh ngộ nhận giữa những câu có cấu trúc bề mặt như nhau, việc xem xét các tác tử đánh dấu, các yếu tố tình thái; việc cải biến, chêm xen, thay thế hay phục hồi những yếu tố bị tình lược trong câu cũng là những thủ pháp cần thiết.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cao Xuân Hạo (2005). *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng*. NXB Khoa học xã hội.
 Haiman J. (1986), *The Cause- Consequence Relationship*. ELL, Vol.2.
 Hoekstra. (1988). *Small Clause Result*. In *Lingua* 74
 Nguyễn Đức Dân. (2004). *Nỗi oan Thì Là Mà*. NXB Trẻ.
 Nguyễn Thị Quy. (1995). *Vị tự hành động tiếng Việt và các tham tố của nó*. NXB Khoa học xã hội.
 Sweetser, E. (1990). *From Etymology to Pragmatics*. Cambridge.
 Trần Ngọc Thêm. (2006). *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*. NXB GD.
 Vladimira P. Nedjakov. (1988). *Typology of Resultative Constructions*. John Benjamins Publishing Company.